TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 723/2026/QĐST-HNGĐ *Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 4 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 546/2026/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2026 về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Lê Đức C, sinh năm 1980; Địa chỉ: Số A đường T, khu phố A, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Và bà Nguyễn Thị Bích V, sinh năm 1991; Địa chỉ: Số A đường T, khu phố A, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa ông Lê Đức C và bà Nguyễn Thị Bích V là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 137/2015 ngày 23/10/2015 do Ủy ban nhân dân phường T, Quận A cũ, nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

[2] Theo Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ghi ngày 10/3/2026; Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 06/4/2026; ông Lê Đức C và bà Nguyễn Thị Bích V yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn; có 02 con chung bà Nguyễn Thị Bích V trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Nguyễn Hoài A, sinh ngày 11/02/2020; ông Lê Đức C trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Nguyễn Hoài T,

sinh ngày 01/7/2016; đôi bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau và không có tài sản chung.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, ông Lê Đức C và bà Nguyễn Thị Bích V tự nguyện ly hôn; thỏa thuận về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con, cấp dưỡng nuôi con và không có tài sản chung nên Tòa án ghi nhận.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Đức C và bà Nguyễn Thị Bích V thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 137/2015 ngày 23/10/2015 do Ủy ban nhân dân phường T, Quận A cũ, nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Ông Lê Đức C và bà Nguyễn Thị Bích V có 02 con chung tên Lê Nguyễn Hoài T, sinh ngày 01/7/2016 và Lê Nguyễn Hoài A, sinh ngày 11/02/2020.

Bà Nguyễn Thị Bích V trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Nguyễn Hoài A.

Ông Lê Đức C trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Nguyễn Hoài T.

Đôi bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Bà Nguyễn Thị Bích V và ông Lê Đức C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông Lê Đức C và bà Nguyễn Thị Bích V xác định không có.

2. Về lệ phí: Lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 đồng, ông Lê Đức C và bà Nguyễn Thị Bích V chịu, nhưng được cấn trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 0017870 ngày 24/3/2026 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Lê Đức C và bà Nguyễn Thị Bích V đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- VKSND khu vực 7 – TP.HCM;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Thị Hồng Cúc